

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

NGÀY THI: 17/05/2026 CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 04

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN17052026-094	Nguyễn Thị Vân Anh	16.05.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
2	GCN17052026-095	Trần Thái Việt Anh	28.05.2003	Nam	Kinh	Thái nguyên
3	GCN17052026-096	Nguyễn Thị Vân Khánh	14.11.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
4	GCN17052026-097	Nguyễn Thị Ngọc Mai	26.06.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
5	GCN17052026-098	Phạm Tiến Mạnh	27.06.2004	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc
6	GCN17052026-099	Ngô Thị An	18.10.2004	Nữ	Kinh	Bắc Giang
7	GCN17052026-100	Trần Thị An	01.02.2004	Nữ	Sán Chay	Thái Nguyên
8	GCN17052026-101	Bùi Kim Anh	04.09.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
9	GCN17052026-102	Đình Quỳnh Anh	07.06.2004	Nữ	Cao Lan	Thái Nguyên
10	GCN17052026-103	Đoàn Thị Ngọc Anh	06.09.2004	Nữ	Kinh	Hà Nội
11	GCN17052026-104	La Thị Lan Anh	08.10.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
12	GCN17052026-105	Lê Thị Anh	18.09.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
13	GCN17052026-106	Nông Tuấn Anh	11.02.2002	Nam	Tày	Bắc Giang
14	GCN17052026-107	Nguyễn Đình Anh	10.05.2003	Nam	Kinh	Thái Bình
15	GCN17052026-108	Nguyễn Đức Anh	25.04.2002	Nam	Kinh	Bắc Giang
16	GCN17052026-109	Trần Quốc Anh	08.03.2004	Nam	Sán Dìu	Thái Nguyên
17	GCN17052026-110	Trần Tuấn Anh	06.06.2005	Nam	Kinh	Bắc Giang
18	GCN17052026-111	Trần Thị Lan Anh	11.07.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
19	GCN17052026-112	Lê Thị Vân Anh	27.06.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
20	GCN17052026-113	Hoàng Thị Hồng Ánh	24.09.2004	Nữ	Nùng	Thái Nguyên
21	GCN17052026-114	Đoàn Văn Ba	20.01.2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên
22	GCN17052026-115	Lý Ngọc Bách	19.02.2003	Nam	Nùng	Thái Nguyên
23	GCN17052026-116	Lê Thế Ban	26.11.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
24	GCN17052026-117	Nguyễn Hoàng Bảo	31.12.2005	Nam	Kinh	Quảng Ninh
25	GCN17052026-118	Trần Văn Bắc	04.08.2004	Nam	Kinh	Thanh Hoá
26	GCN17052026-119	Vũ Lê Ngọc Bích	01.06.2004	Nữ	Kinh	Sơn La
27	GCN17052026-120	Chu Văn Bình	08.04.2003	Nam	Kinh	Bắc ninh
28	GCN17052026-121	Lê Dương Bình	30.04.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
29	GCN17052026-122	Trần Nguyên Bình	13.08.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
30	GCN17052026-123	Lý Nguyễn Tuấn Cường	04.02.2001	Nam	Sán Chay	Yên Bái(cũ)
31	GCN17052026-124	Nguyễn Hữu Cường	07.01.2007	Nam	Kinh	Hưng Yên
32	GCN17052026-125	Đoàn Thị Kim Chi	25.04.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
33	GCN17052026-126	Lương Sao Chi	09.02.2004	Nữ	Nùng	Thái Nguyên
34	GCN17052026-127	Lưu Thị Thủy Chi	30.04.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
35	GCN17052026-128	Nguyễn Hoàng Chiến	16.11.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
36	GCN17052026-129	Dương Thủy Dung	13.07.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có: 36 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

NGÀY THI: 17/05/2026 CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 05

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN17052026-130	Nguyễn Thanh Dung	31.01.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
2	GCN17052026-131	Nguyễn Thị Thuỳ Dung	28.01.2006	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
3	GCN17052026-132	Nguyễn Tuấn Dũng	04.07.2000	Nam	Kinh	Thái Nguyên
4	GCN17052026-133	Thân Anh Dũng	21.11.2003	Nam	Kinh	Bắc Giang
5	GCN17052026-134	Đồng Phương Duy	03.01.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
6	GCN17052026-135	Vi Trường Duy	31.01.2004	Nam	Nùng	Thái Nguyên
7	GCN17052026-136	Đỗ Mạnh Dương	27.06.2006	Nam	Kinh	Thái Nguyên
8	GCN17052026-137	Vy Văn Dương	17.01.2003	Nam	Sán Chay	Thái Nguyên
9	GCN17052026-138	Hoàng Văn Đạt	09.12.2002	Nam	Kinh	Hải Phòng
10	GCN17052026-139	Nguyễn Văn Đạt	22.02.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
11	GCN17052026-140	Trần Quốc Đạt	12.05.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
12	GCN17052026-141	Trịnh Nguyễn Thành Đạt	14.10.2003	Nam	Kinh	Bắc Giang
13	GCN17052026-142	Trương Tiến Đạt	27.08.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
14	GCN17052026-143	Trần Hải Đăng	29.10.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
15	GCN17052026-144	Đào Đức Điệp	13.12.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
16	GCN17052026-145	Trần Xuân Đông	11.03.2001	Nam	Kinh	Hung Yên
17	GCN17052026-146	Nguyễn Ngọc Đức	28.11.2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên
18	GCN17052026-147	Nguyễn Tiến Đức	14.02.2005	Nam	Kinh	Bắc Giang
19	GCN17052026-148	Hoàng Thị Hương Giang	07.01.2003	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
20	GCN17052026-149	Nguyễn Thị Hương Giang	19.08.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
21	GCN17052026-150	Trần Thân Giáp	06.01.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
22	GCN17052026-151	Lê Thanh Hà	10.04.1996	Nam	Kinh	Thái Nguyên
23	GCN17052026-152	Dương Văn Hải	13.06.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
24	GCN17052026-153	Nguyễn Minh Hải	21.08.2002	Nam	Kinh	Thái nguyên
25	GCN17052026-154	Nguyễn Thị Hằng	01.07.2006	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
26	GCN17052026-155	Lâm Thị Hằng	21.05.2004	Nữ	Sán Dìu	Thái Nguyên
27	GCN17052026-156	Phan Vũ Thục Hân	18.08.2004	Nữ	Kinh	Mộc Châu
28	GCN17052026-157	Nguyễn Thu Hiền	17.12.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
29	GCN17052026-158	Trần Văn Hiệp	06.11.2004	Nam	Kinh	Quảng Ninh
30	GCN17052026-159	Hoàng Minh Hiếu	30.09.2002	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
31	GCN17052026-160	Vũ Minh Hiếu	13.09.1999	Nam	Kinh	Tuyên Quang
32	GCN17052026-161	Lường Thị Hoa	01.12.2002	Nữ	Thái	Lai Châu
33	GCN17052026-162	Lưu Thị Hoa	17.09.2005	Nữ	Sán Dìu	Thái Nguyên
34	GCN17052026-163	Vũ Thị Hoa	16.10.2001	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
35	GCN17052026-164	Trần Thị Minh Hòa	31.07.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
36	GCN17052026-165	Tăng Thị Hoài	23.11.2005	Nữ	Tày	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có: 36 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ



**DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

NGÀY THI: 17/05/2026 **GA: CHIỀU**

PHÒNG THI: 06

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN17052026-166	Bùi Huy Hoàng	25.11.2004	Nam	Mường	Thái Nguyên
2	GCN17052026-167	Nguyễn Tất Hoàng	26.09.1999	Nam	Kinh	Hải Dương
3	GCN17052026-168	Vũ Việt Hoàng	29.07.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
4	GCN17052026-169	Nguyễn Thị Ánh Hồng	25.03.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
5	GCN17052026-170	Thân Mậu Huân	11.12.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
6	GCN17052026-171	Hoàng Thị Ngọc Huệ	10.04.2004	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
7	GCN17052026-172	Lê Đình Hùng	11.09.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
8	GCN17052026-173	Nguyễn Văn Huy	15.09.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
9	GCN17052026-174	Lý Thu Huyền	26.08.2004	Nữ	Sán Diu	Thái Nguyên
10	GCN17052026-175	Nguyễn Thị Huyền	09.08.2004	Nữ	kinh	Thái Nguyên
11	GCN17052026-176	Vương Khánh Huyền	31.10.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
12	GCN17052026-177	Dương Văn Huỳnh	18.06.2003	Nam	Tày	Thái Nguyên
13	GCN17052026-178	Đào Tuấn Hưng	14.08.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
14	GCN17052026-179	Nguyễn Quốc Hưng	17.11.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
15	GCN17052026-180	Hoàng Mai Hương	24.05.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
16	GCN17052026-181	Hoàng Thị Hương	05.07.1998	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
17	GCN17052026-182	Lê Diệu Hương	10.06.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
18	GCN17052026-183	Lê Thị Thu Hương	24.08.1994	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
19	GCN17052026-184	Nguyễn Mai Hương	21.09.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
20	GCN17052026-185	Trần Diệu Hương	17.04.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
21	GCN17052026-186	Nguyễn Đức Kiên	04.09.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
22	GCN17052026-187	Hoàng Việt Kiều	10.06.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
23	GCN17052026-188	Ma Khánh Kiều	02.01.2004	Nữ	Tày	Tuyên Quang
24	GCN17052026-189	Nguyễn Quang Khánh	30.05.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
25	GCN17052026-190	Nguyễn Văn Khanh	19.03.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
26	GCN17052026-191	Lê Thị Thiên Lam	30.04.2006	Nữ	Kinh	Lào Cai
27	GCN17052026-192	Đào Khánh Linh	18.07.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
28	GCN17052026-193	Ma Thủy Linh	21.03.2003	Nữ	Tày	Bắc Kạn
29	GCN17052026-194	Trần Khánh Linh	27.03.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
30	GCN17052026-195	Nguyễn Duy Long	14.08.2004	Nam	Kinh	Thái nguyên
31	GCN17052026-196	Đặng Thị Lyuen	29.01.2004	Nữ	Dao	Thái Nguyên
32	GCN17052026-197	Hà Thị Trà Ly	26.04.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
33	GCN17052026-198	Đỗ Đức Mạnh	01.09.2002	Nam	Kinh	Thái Bình
34	GCN17052026-199	Đồng Văn Mạnh	16.01.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
35	GCN17052026-200	Nguyễn Đức Mạnh	09.05.1997	Nam	Kinh	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có: 35 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

NGÀY THI: 17/05/2026 CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 07

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN17052026-201	Nguyễn Thành Nam	11.10.2003	Nam	Kinh	PHú Thọ
2	GCN17052026-202	Diêm Đăng Ninh	14.11.2003	Nam	Kinh	Bắc Giang
3	GCN17052026-203	Nông Văn Nghiệp	08.01.2003	Nam	Tày	Cao Bằng
4	GCN17052026-204	Nguyễn Tuấn Nghiệp	20.06.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
5	GCN17052026-205	Dương Thị Ngọc	24.03.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
6	GCN17052026-206	Đỗ Hồng Ngọc	19.01.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
7	GCN17052026-207	Hoàng Thị Hoài Ngọc	21.01.2002	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
8	GCN17052026-208	Nguyễn Minh Ngọc	18.02.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
9	GCN17052026-209	Vũ Thị Ngọc	27.11.2004	Nữ	Kinh	Hải Dương
10	GCN17052026-210	Phạm Thị Thảo Nguyên	12.09.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
11	GCN17052026-211	Phương Thị Ánh Nguyệt	07.01.2004	Nữ	Nùng	Bắc Ninh
12	GCN17052026-212	Hà Yến Nhi	20.07.2004	Nữ	Dao	Tuyên Quang
13	GCN17052026-213	Hoàng Thị Yến Nhi	13.02.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
14	GCN17052026-214	Đặng Thị Hồng Nhung	09.12.2004	Nữ	Sán Diu	Thái Nguyên
15	GCN17052026-215	Hà Thị Nhung	22.09.2004	Nữ	Kinh	Phú Thọ
16	GCN17052026-216	Hà Thị Cẩm Nhung	16.06.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
17	GCN17052026-217	Nguyễn Hồng Nhung	12.09.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
18	GCN17052026-218	Trần Thị Thùy Nhung	28.08.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
19	GCN17052026-219	Bàng Thị Kim Oanh	13.12.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
20	GCN17052026-220	Dương Thị Kim Oanh	18.06.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
21	GCN17052026-221	Hầu A Páo	02.09.2004	Nam	Mông	Lai Châu
22	GCN17052026-222	Nguyễn Tiến Phan	15.02.2004	Nam	Kinh	Phú Thọ
23	GCN17052026-223	Nguyễn Văn Pháp	06.09.2000	Nam	Kinh	Bắc Ninh
24	GCN17052026-224	Nguyễn Đăng Phong	15.07.2004	Nam	Kinh	Bắc ninh
25	GCN17052026-225	Phạm Hồng Phong	26.12.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
26	GCN17052026-226	Nguyễn Thị Thu Phương	02.10.2004	Nữ	Kinh	Bắc Giang
27	GCN17052026-227	Nguyễn Thu Phương	27.10.2002	Nữ	Tày	Bắc Kạn
28	GCN17052026-228	Nguyễn Đăng Quang	05.07.2005	Nam	Kinh	Thái nguyên
29	GCN17052026-229	Nguyễn Minh Quang	27.09.2005	Nam	Kinh	Bắc Giang
30	GCN17052026-230	Nguyễn văn Quang	09.10.2006	Nam	Kinh	thái nguyên
31	GCN17052026 231	Trần Minh Quân	29.07.2004	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc
32	GCN17052026-232	Hoàng Ngọc Quý	13.11.2003	Nam	Nùng	Thái nguyên
33	GCN17052026-233	Cao Mạnh Quỳnh	20.10.2003	Nam	Kinh	Quảng Nam
34	GCN17052026-234	Nguyễn Như Quỳnh	24.08.2003	Nữ	Kinh	Hung Yên
35	GCN17052026-235	Phí Thị Hương Quỳnh	10.02.2003	Nữ	Tày	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có: 35 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

NGÀY THI: 17/05/2026 ĐỢT 1 CA CHIỀU

PHÒNG THI: 08

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN17052026-236	Trần Hương Quỳnh	26.05.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
2	GCN17052026-237	Trương Phan Quỳnh	25.08.1998	Nam	Tày	Cao Bằng
3	GCN17052026-238	Mông Thị Sim	11.08.2005	Nữ	Tày	Thái Nguyên
4	GCN17052026-239	Dương Thanh Sơn	15.10.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
5	GCN17052026-240	Nguyễn Văn Tài	27.02.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
6	GCN17052026-241	Hoàng Thị Mỹ Tâm	17.11.2003	Nữ	Tày	Yên Bái
7	GCN17052026-242	Trần Tuệ Tâm	06.08.2004	Nữ	Kinh	Thái nguyên
8	GCN17052026-243	Nguyễn Văn Tân	06.05.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
9	GCN17052026-244	Kiều Hoàng Tiến	23.06.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
10	GCN17052026-245	Phạm Văn Toàn	26.11.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
11	GCN17052026-246	Phạm Ngọc Toàn	14.05.2004	Nam	Kinh	Bắc Giang
12	GCN17052026-247	Hoàng Minh Tới	23.01.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
13	GCN17052026-248	Nguyễn Thanh Tú	21.10.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
14	GCN17052026-249	Hoàng Công Tuấn	29.09.2003	Nam	Tày	Lạng Sơn
15	GCN17052026-250	Hoàng Công Tùng	15.11.1995	Nam	Tày	Lạng Sơn
16	GCN17052026-251	Nguyễn Quang Tùng	20.12.2004	Nam	Kinh	Thái nguyên
17	GCN17052026-252	Nguyễn Văn Tùng	20.08.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
18	GCN17052026-253	Trần Duy Tùng	22.08.2004	Nam	Sán chay	Thái nguyên
19	GCN17052026-254	Đông Thị Thanh Túy	17.08.2005	Nữ	Kinh	Hà Nội
20	GCN17052026-255	Nguyễn Thị Tuyền	13.09.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
21	GCN17052026-256	Lê Ngọc Tuyết	15.03.2004	Nữ	Kinh	Bắc Kan
22	GCN17052026-257	Nguyễn Diệp Ánh Tuyết	25.08.2005	Nữ	Sán Diu	Thái Nguyên
23	GCN17052026-258	Lê Văn Thái	17.09.2005	Nam	Kinh	Bắc Ninh
24	GCN17052026-259	Nguyễn Đức Thanh	02.06.2000	Nam	Kinh	Quảng Ninh
25	GCN17052026-260	Nguyễn Lan Thanh	01.11.2002	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
26	GCN17052026-261	Hà Tiến Thành	26.12.2004	Nam	Kinh	Phù Thọ
27	GCN17052026-262	Lê Tiến Thành	06.07.2003	Nam	Kinh	Phú Thọ
28	GCN17052026-263	Nguyễn Thị Thanh Thảo	02.03.2006	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
29	GCN17052026-264	Lưu Mạnh Thắng	02.02.2003	Nam	Kinh	Phú Thọ
30	GCN17052026-265	Phạm Minh Thắng	30.10.2000	Nam	Kinh	Hưng Yên
31	GCN17052026-266	Vi Văn Thắng	23.05.2003	Nam	Kinh	Bắc Giang
32	GCN17052026-267	Âu Đình Thịnh	23.03.2005	Nam	Tày	Bắc kạn
33	GCN17052026-268	Bùi Đức Thịnh	18.03.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
34	GCN17052026-269	Nguyễn Văn Thọ	22.09.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
35	GCN17052026-270	Nguyễn Thị Thu	04.01.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có: 35 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ



DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

NGÀY THI: 17/05/2026 CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 09

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN17052026-271	Lâm Thị Thanh Thủy	06.01.2004	Nữ	Sán diu	Thái nguyên
2	GCN17052026-272	Trần Thị Thu Thủy	28.08.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
3	GCN17052026-273	Vũ Thị Hồng Thủy	18.11.2003	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
4	GCN17052026-274	Nguyễn Anh Thư	20.08.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
5	GCN17052026-275	Nguyễn Thị Thanh Thư	03.10.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
6	GCN17052026-276	Vũ Thị Thư	02.06.2004	Nữ	Kinh	Thái nguyên
7	GCN17052026-277	Trần Hồng Thức	06.09.2003	Nam	Sán diu	Thái Nguyên
8	GCN17052026-278	Lê Thị Mai Thương	13.11.2001	Nữ	Sán Chí	Thái Nguyên
9	GCN17052026-279	Lý Thị Thương	17.11.1999	Nữ	Dao	Thái Nguyên
10	GCN17052026-280	Nguyễn Thị Hoài Thương	22.03.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
11	GCN17052026-281	Ninh Mạnh Thương	14.01.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
12	GCN17052026-282	Dương Thị Hương Trà	01.09.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
13	GCN17052026-283	Nguyễn Thế Trà	01.11.2000	Nam	Kinh	Thái Nguyên
14	GCN17052026-284	Trần Thị Thanh Trà	09.09.2005	Nữ	Kinh	Bắc Giang
15	GCN17052026-285	Đỗ Thị Thu Trang	08.09.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
16	GCN17052026-286	Lê Thị Thu Trang	31.03.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
17	GCN17052026-287	Nguyễn Thị Huyền Trang	14.10.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
18	GCN17052026-288	Nguyễn Thùy Trang	01.09.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
19	GCN17052026-289	Trần Thị Huyền Trang	15.09.2003	Nữ	Kinh	Thái nguyên
20	GCN17052026-290	Triệu Hoàng Thu Trang	17.03.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
21	GCN17052026-291	Đoàn Thị Huyền Trang	08.07.2004	Nữ	Kinh	Thái Bình
22	GCN17052026-292	Đặng Đức Trung	23.10.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
23	GCN17052026-293	Nguyễn Ngọc Trung	28.03.2002	Nam	Kinh	Lào Cai
24	GCN17052026-294	Dương Nhất Anh Trường	21.08.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
25	GCN17052026-295	Lương Văn Trường	14.08.2003	Nam	Kinh	Hà Nội
26	GCN17052026-296	Phan Văn Trường	29.01.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
27	GCN17052026-297	Nông Thị Phương Uyên	30.03.1999	Nữ	Tày	Thái Nguyên
28	GCN17052026-298	Nguyễn Công Văn	01.07.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
29	GCN17052026-299	Phạm Phi Vân	17.11.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
30	GCN17052026-300	Đặng Hà Vi	18.08.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
31	GCN17052026-301	Nguyễn Hoàng Việt	12.02.2006	Nam	Kinh	Bắc Ninh
32	GCN17052026-302	Nguyễn Văn Việt	16.10.2005	Nam	Kinh	Thái nguyên
33	GCN17052026-303	Đỗ Quang Vũ	26.06.2004	Nam	Tày	Cao Bằng
34	GCN17052026-304	Lê Anh Vũ	06.03.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
35	GCN17052026-305	Nguyễn Hương Xuân	11.02.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có: 35 thí sinh./.